

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH & PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG (TDC)
số 26-27, Lô I - Đường Đồng Khởi - Phường Hòa Phú - TP TDM - Bình Dương
Mã số thuế : 3 7 0 0 4 1 3 8 2 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRỤ SỞ CHÍNH

NĂM 2015

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VĂN PHÒNG

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5,072,568,474,164	3,694,961,323,131
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17,654,781,328	19,207,428,717
1. Tiền	111		15,154,781,328	18,707,428,717
2. Các khoản tương đương tiền	112		2,500,000,000	500,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3,903,381,000	2,732,366,700
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	4,893,028,550	4,893,028,550
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(989,647,550)	(2,160,661,850)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,084,712,939,822	723,400,995,850
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	1,063,749,850,332	557,620,676,278
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	13,381,774,206	14,331,649,832
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	142,673,072,406
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	17,734,248,156	15,741,300,586
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(10,152,932,872)	(6,965,703,252)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3,689,259,577,189	2,769,602,365,185
1. Hàng tồn kho	141	V.7	3,689,259,577,189	2,769,602,365,185
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		277,037,794,825	180,018,166,679
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	3,735,782,872
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		275,813,201,603	174,833,428,254
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	1,224,593,222	1,448,955,553
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,997,558,696,891	2,324,125,675,779
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		203,731,115,828	695,559,797,709
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	195,294,789,339	689,398,717,164
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	8,436,326,489	6,161,080,545
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		86,481,869,864	36,068,785,895
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	80,009,619,284	29,427,907,883
- Nguyên giá	222		150,851,383,026	45,969,990,509
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70,841,763,742)	(16,542,082,626)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6,472,250,580	6,640,878,012
- Nguyên giá	228		7,821,692,743	7,821,692,743
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,349,442,163)	(1,180,814,731)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	-	1,374,519,985
- Nguyên giá	231		-	2,409,271,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(1,034,751,015)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,536,156,042,979	1,420,885,096,776
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.12	1,528,096,893,732	1,410,634,260,829
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	8,059,149,247	10,250,835,947
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		170,124,149,601	169,839,913,966
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	126,039,350,000	114,370,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	16,635,910,000	16,635,910,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	53,460,000,000	53,460,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(26,011,110,399)	(14,625,996,034)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,065,518,619	397,561,448
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	978,121,598	220,600,748
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	87,397,021	176,960,700
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7,070,127,171,055	6,019,086,998,910

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		5,966,369,422,280	4,900,701,921,641
I. Nợ ngắn hạn	310		3,410,732,979,202	4,400,700,608,471
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15a,c	1,336,734,683,971	2,631,768,750,574
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16a	294,835,097,177	339,682,050,806
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	34,467,531,216	23,724,343,783
4. Phải trả người lao động	314	V.18	5,626,757,838	1,628,916,773
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	230,177,916,472	591,817,972,804
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		21,251,502,016	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a,c	198,471,986,168	235,261,195,848
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a,c	1,290,106,359,504	576,489,277,914
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	39,563,469	328,099,969
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	(978,418,629)	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2,555,636,443,078	500,001,313,170
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.15b,c	1,471,578,982,217	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.16b	78,843,953,915	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1,990,430,859	2,678,849,264
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b,c	5,970,343,034	6,402,560,471
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b,c	997,252,733,053	490,919,903,435
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,103,757,748,775	1,118,385,077,269
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,103,757,748,775	1,118,385,077,269
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	1,841,123,840	1,841,123,840
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.24	4,640,739,814	4,640,739,814
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	41,869,524,647	41,869,524,647
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	55,406,360,474	70,033,688,968
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(37,255,349,260)	70,033,688,968
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		92,661,709,734	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7,070,127,171,055	6,019,086,998,910

Bình Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2016



Đỗ Ngọc Yến
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



M.S.D.N: 3700412826
CÔNG TY CỔ PHẦN
KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN
BÌNH DƯƠNG
TP THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27 Lôi Đường Đồng Khởi Hòa Phú TP TDM BD

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẤN PHÒNG

Năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[01]	VI.1	886,480,429,887	827,874,343,417	1,404,758,358,863	1,808,619,575,009
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	[02]	VI.2	36,659,838,230	6,713,240,486	53,057,204,937	213,327,483,151
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	[10]		849,820,591,657	821,161,102,931	1,351,701,153,926	1,595,292,091,858
4. Giá vốn hàng bán	[11]	VI.3	539,024,927,351	648,359,265,398	1,007,432,483,983	1,352,038,822,179
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	[20]		310,795,664,306	172,801,837,533	344,268,669,943	243,253,269,679
6. Doanh thu hoạt động tài chính	[21]	VI.4	6,292,206,373	536,930,858	14,082,062,892	10,076,339,725
7. Chi phí tài chính	[22]	VI.5	75,469,892,380	40,794,190,546	144,156,546,339	65,712,143,070
- Trong đó: Chi phí lãi vay	[23]		67,312,568,874	29,595,363,982	132,104,251,818	51,737,253,832
8. Chi phí bán hàng	[25]	VI.6	21,672,195,373	11,976,119,254	57,655,109,570	48,298,919,105
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	[26]	VI.7	9,914,057,048	9,279,668,884	26,653,534,892	26,525,023,997
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	[30]		210,031,725,878	111,288,789,707	129,885,542,034	112,793,523,232
11. Thu nhập khác	[31]	VI.8	(1,476,479,157)	6,860,586,108	5,386,647,870	16,946,053,296
12. Chi phí khác	[32]	VI.9	1,172,809,885	350,561,889	4,420,868,279	9,334,656,693
13. Lợi nhuận khác	[40]		(2,649,289,042)	6,510,024,219	965,779,591	7,611,396,603
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	[50]		207,382,436,836	117,798,813,926	130,851,321,625	120,404,919,835
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	[51]		38,100,048,212	30,620,167,451	38,100,048,212	32,858,001,040
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	[52]		89,563,679	735,190,091	89,563,679	735,190,091
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	[60]		169,192,824,945	86,443,456,384	92,661,709,734	86,811,728,704

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	[70]	VI.10				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	[71]	VI.10				

Người lập biểu



Đỗ Ngọc Yên

Kế toán trưởng



Lý Thị Bình



Bình Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc

Đoàn Văn Thuận

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27 Lôi Đường Đồng Khởi Hòa Phú TP TDM BD


BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VĂN PHÒNG

(Theo Phương pháp Trực tiếp)
năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,074,270,156,296	1,526,867,390,538
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1,579,739,692,368)	(1,211,705,972,763)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(34,201,416,499)	(34,679,326,381)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(75,772,333,301)	(43,581,959,002)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(27,532,269,562)	(42,807,088,017)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		739,844,648,843	680,827,976,058
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(691,515,796,497)	(201,715,855,459)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(594,646,703,088)	673,205,164,974
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(4,208,754,365)	(2,300,000,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4,856,751,909	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			2,516,213,150
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(17,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			300,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,831,422,303	776,702,111
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2,479,419,847	(15,707,084,739)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		1,341,826,754,785	50,082,498,265
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(612,865,038,033)	(589,285,679,050)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(138,347,080,900)	(139,936,771,800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		590,614,635,852	(679,139,952,585)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(1,552,647,389)	(21,641,872,350)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19,207,428,717	40,849,301,067
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		17,654,781,328	19,207,428,717


Đỗ Ngọc Yến
Người lập biểu

Bình Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2016


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng


Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA VẮN PHÒNG CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Văn phòng Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Văn phòng Công ty”) kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Văn phòng Công ty là: Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cầu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao; Lắp đặt hệ thống điện; Thoát nước và xử lý nước thải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh trong hoạt động kinh doanh và sản xuất bê tông của Văn phòng Công ty không quá 12 tháng. Đối với các hoạt động kinh doanh của các dự án kinh doanh bất động sản, chu kỳ sản xuất kinh doanh theo thời gian quy định tại phương án kinh doanh.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV cửa sổ mùa xuân	Lô A-9B-CN, khu công nghiệp Bàu Bàng, xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất, lắp ráp cửa các loại...	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư xây dựng Việt	Số 09, Khu Biệt Thự Dragon Hill, Đường Lê Lai, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Tư vấn, thiết kế, xây dựng các công trình, nhà ở...	100%	100%	100%
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex	Đường D1, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất và cung cấp xi măng, bê tông cầu kiện...	58,00%	58,00%	58,00%
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Áp Mương Đào, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng như: cát, đá, thép...	81,00%	81,00%	81,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Số 2B, Đại lộ Tự do, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất và phân phối nước uống đóng chai	50,00%	50,00%	50,00%
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ và đô thị Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Đào tạo, giáo dục	24,00%	24,00%	24,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng Bình Dương	Số 236, Đường ĐT 743, phường Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp bê tông trộn sẵn Mỹ Phước	Đường D1, khu công nghiệp Mỹ Phước 1, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh 3 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	175B Cao Thắng nối dài, phường 12, quận 10, TP.Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Ấp 2, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland	Số 26-27, tầng trệt, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh 1 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland	Số Q9-5,6,7 đường JF1B, Khu phố Thương mại Unitown, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh 02 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng	Số 175 đường 359, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland tại Bàu Bàng	Số 1, lô A, Đường NC, khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Bàu Bàng, Lai Uyên, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Văn phòng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Văn phòng Công ty và Văn phòng Công ty đã trình bày lại các thông tin so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

7. Nhân viên

Tại kết thúc năm kế toán Văn phòng Công ty có 234 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 270 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Văn phòng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc năm kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Văn phòng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Văn phòng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Văn phòng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Các công trình xây dựng dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, tính theo phương pháp thực tế đích danh đối với hàng hóa bất động sản và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Văn phòng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 08

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Văn phòng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 49 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Văn phòng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Văn phòng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

12. Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Văn phòng Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Văn phòng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Văn phòng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Văn phòng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản Văn phòng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Văn phòng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Văn phòng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Văn phòng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Văn phòng Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Văn phòng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

16. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Văn phòng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh khoản trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Văn phòng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Văn phòng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Văn phòng Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Văn phòng Công ty gồm các khoản phải trả người bán, và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Văn phòng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Văn phòng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.400.558.351	1.314.409.711
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.754.222.977	17.393.019.006
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	2.500.000.000	500.000.000
Cộng	<u>17.654.781.328</u>	<u>19.207.428.717</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Văn phòng Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Văn phòng Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Cổ phiếu						
Công ty cổ phần khoáng sản						
Becamex (BMJ)	4.893.028.550	3.903.381.000	(989.647.550)	4.893.028.550	2.732.366.700	(2.160.661.850)
Cộng	<u>4.893.028.550</u>	<u>3.903.381.000</u>	<u>(989.647.550)</u>	<u>4.893.028.550</u>	<u>2.732.366.700</u>	<u>(2.160.661.850)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(2.160.661.850)	(3.386.845.835)
Trích lập dự phòng	(130.112.700)	
Hoàn nhập dự phòng	1.301.127.000	1.226.183.985
Số cuối năm	<u>(989.647.550)</u>	<u>(2.160.661.850)</u>

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty con	<u>126.039.350.000</u>	<u>(25.908.174.986)</u>	<u>114.370.000.000</u>	<u>(14.523.060.621)</u>
Công ty TNHH một thành viên cửa sổ mùa xuân ⁽ⁱ⁾	43.500.000.000	(23.492.509.423)	36.000.000.000	(14.523.060.621)
Công ty TNHH một thành viên tư vấn đầu tư xây dựng Việt ⁽ⁱⁱ⁾	15.219.350.000	(2.415.665.563)	11.050.000.000	-
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex ⁽ⁱⁱⁱ⁾	15.660.000.000	-	15.660.000.000	-
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex ^(iv)	51.660.000.000	-	51.660.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	<u>16.635.910.000</u>	<u>(70.217.159)</u>	<u>16.635.910.000</u>	<u>(70.217.159)</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty liên doanh TNHH SinViet ^(v)	2.235.910.000	-	2.235.910.000	-
Trường Đại học quốc tế Miền Đông ^(vi)	14.400.000.000	(70.217.159)	14.400.000.000	(70.217.159)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	53.460.000.000	(32.718.254)	53.460.000.000	(32.718.254)
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	7.000.000.000	(32.718.254)	7.000.000.000	(32.718.254)
Công ty cổ phần dược Becamex	1.020.000.000	-	1.020.000.000	-
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	30.800.000.000	-	30.800.000.000	-
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	14.640.000.000	-	14.640.000.000	-
Cộng	196.135.260.000	(26.011.110.399)	184.465.910.000	(14.625.996.034)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701545462 thay đổi lần thứ 09 ngày 15 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV cửa sổ mùa xuân 43.500.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701535016 thay đổi lần thứ 11 ngày 23 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư xây dựng Việt 15.219.350.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700877200 thay đổi lần thứ 04 ngày 07 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex 15.660.000.000 VND, tương đương 58,00% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700945605 thay đổi lần thứ 03 ngày 17 tháng 9 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex là 51.660.000.000 VND, tương đương 81,00% vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trưởng ban quản lý Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty đầu tư vào Công ty liên doanh TNHH SinViet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông 14.400.000.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ.

Văn phòng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(14.625.996.034)	(241.120.370)
Trích lập dự phòng bổ sung	(12.178.714.261)	(14.384.875.664)
Hoàn nhập dự phòng	793.599.896	
Số cuối kỳ	<u>(26.011.110.399)</u>	<u>(14.625.996.034)</u>

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch giữa Văn phòng Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối năm	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH một thành viên cửa sổ mùa xuân</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	3.963.948.049	25.292.208.608
Cung cấp dịch vụ	264.000.000	264.000.000
Mua dịch vụ thi công cửa	32.536.398.670	17.630.226.508
<i>Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư xây dựng Việt</i>		
Bán nguyên vật liệu	44.926.404.587	69.820.045.665
Bán thành phẩm	2.723.930.905	36.79.060
Mua dịch vụ thi công công trình	71.310.910.751	139.884.242.123
Cổ tức được chia	1.321.214.000	1.483.425.000
Cung cấp dịch vụ	449.432.792	28.216.649
Bán tài sản cố định		1.199.432.131
<i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex</i>		
Bán nguyên vật liệu	140.465.847	
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	2.485.052.700	5.128.085.800
Bán bất động sản		11.701.136.364
Cổ tức được chia	4.068.755.680	2.187.000.000
<i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex</i>		
Bán nguyên vật liệu	98.935.800	
Mua nguyên vật liệu	7.966.532.029	12.094.860.248
Cổ tức được chia		
Nhượng bán tài sản	400.000.000	
<i>Công ty liên doanh TNHH SinViet</i>		
Mua nước tinh khiết	6.302.000	3.100.000

3. Phải thu khách hàng**3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>558.342.938.074</i>	<i>118.912.661.130</i>
Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân	35.802.040.258	40.941.897.711
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	43.813.315.252	40.281.377.399
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	2.100.000.000	11.000.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	11.126.780.173	10.207.064.625
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore		3.278.276.802
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	10.192.291.202	13.192.291.202
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	455.307.011.189	-
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	1500.000	11.753.391
Công ty cổ phần bê tông Becamex		-
Phải thu các khách hàng khác	505.406.912.258	438.708.015.148
Phải thu các khách hàng mua bất động sản khác	344.261.060.798	367.261.194.706
Phải thu các khách hàng khác	161.145.851.460	71.446.820.442
Cộng	<u>1.063.749.850.332</u>	<u>557.620.676.278</u>

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	7.288.793.487	32.977.773.487
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	3.199.013.487	31.990.193.487
Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư xây dựng Việt	89.780.000	987.580.000
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	4.000.000.000	
Phải thu các khách hàng khác	188.005.995.852	656.420.943.677
Công ty cổ phần Nam Việt Phát		184.366.452.958
Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ Trần Long		163.010.229.010
Phải thu các khách hàng khác	188.005.995.852	309.044.261.709
Cộng	<u>195.294.789.339</u>	<u>689.398.717.164</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước các bên liên quan	3.721.868.770	1.361.879.038
Công ty TNHH MTV cửa sổ mùa xuân		1.361.879.038
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	3.721.868.770	
Trả trước cho người bán khác	9.659.905.436	12.969.770.794
Cộng	<u>13.381.774.206</u>	<u>14.331.649.832</u>

5. Phải thu khác**5a. Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	1.603.374.485	-	3.973.464.292	-
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex – Cổ tức phải thu		-	2.187.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH MTV cửa sổ mùa xuân – Cổ tức phải thu	1.561.000.000	-	1.561.000.000	-
Công ty TNHH MTV cửa sổ mùa xuân - Phải thu khác	42.374.485	-	151.293.042	-
Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư xây dựng Việt - Cổ tức phải thu		-	74.171.250	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	16.130.873.671	-	11.767.836.294	-
Cổ tức phải thu	1.485.653.015	-	1.485.653.015	-
Tạm ứng cho nhân viên	7.901.668.125	-	9.144.470.323	-
Các khoản phải thu khác	6.743.552.531	-	1.137.712.956	-
Cộng	17.734.248.156	-	15.741.300.586	-

5b. Phải thu khác dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	649.003.039	-	649.003.039	-
Công ty liên doanh TNHH SinViet - Tạm ứng vốn	649.003.039	-	649.003.039	-
Phải thu các tổ chức và các cá nhân khác	7.787.323.450	-	5.512.077.506	-
Phải thu phí bảo trì chung cư TDC Plaza	732.041.098	-	1.124.852.450	-
Thuế GTGT đầu ra	4.467.463.257	-	2.290.227.184	-
Ký quỹ	500.864.400	-	817.294.840	-
Lệ phí trước bạ phải thu	1.498.335.510	-	866.012.230	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	588.619.185	-	413.690.802	-
Cộng	8.436.326.489	-	6.161.080.545	-

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Công ty TNHH Đại Từ 1 năm đến 2 năm		1.314.205.994		394.261.798
Phải thu tiền bán bê tông				

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ phần Hoàng Duyên - Phải thu tiền bán vật liệu xây dựng	Trên 3 năm	3.599.519.099	-	Trên 3 năm	3.599.519.099	-
Phải thu các đơn vị và cá nhân khác	Từ 6 tháng đến 3 năm	8.450.005.323	2.816.535.746	Từ 6 tháng đến 3 năm	4.127.165.754	760.981.601
Cộng		13.363.730.416	3.210.797.544		7.726.684.853	760.981.601

Tình hình biến động dự phòng giảm giá khoản phải thu ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(6.965.703.252)	(4.624.074.637)
Trích lập dự phòng bổ sung	(3.187.229.620)	(2.341.628.615)
Số cuối kỳ	(10.152.932.872)	(6.965.703.252)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.367.940.479	-	776.966.082	-
Công cụ, dụng cụ	547.778.686	-	1.327.272	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	3.180.099.578.123	-	2.278.273.957.303	-
Hàng hóa	507.244.279.901	-	490.550.114.528	-
Cộng	3.689.259.577.189	-	2.769.602.365.185	-

(*) Quyền sử dụng đất tại Khu đô thị - công nghiệp - dịch vụ VSIP Hải Phòng có giá trị sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 255.656.413.805 VND được dùng thế chấp tại Ngân hàng liên doanh VID Public - Chi nhánh Bình Dương để đảm bảo cho các khoản vay của Văn phòng Công ty tại Ngân hàng này.

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trước bạ		3.735.782.872
Cộng		3.735.782.872

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	100.654.297	78.336.294
Chi phí thuê đất, thuê văn phòng	502.102.877	106.060.587

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí khác	<u>375.364.424</u>	<u>36.203.867</u>
Cộng	<u>978.121.598</u>	<u>220.600.748</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	27.882.413.267	3.797.253.035	13.209.568.487	997.494.635	83.261.085	45.969.990.509
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-					
Mua sắm mới		230.258.000	1.296.454.091	127.103.000	-	1.653.815.091
Tăng do điều chuyển nội bộ	2.909.096.163	-	102.936.742.317	36.608.000	-	105.882.446.480
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.654.869.054)	-	-	(2.654.869.054)
Số cuối năm	<u>30.791.509.430</u>	<u>4.027.511.035</u>	<u>114.787.895.841</u>	<u>1.161.205.635</u>	<u>83.261.085</u>	<u>150.851.383.026</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.706.411.133	161.904.762	5.577.780.439	673.390.762	83.261.085	8.202.748.181
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	7.826.575.848	1.454.950.050	6.358.043.577	819.252.066	83.261.085	16.542.082.626
Khấu hao năm	3.330.241.266	605.450.451	7.437.215.906	110.278.005	-	11.483.185.628
Tăng khác do điều chuyển nội bộ	1.351.619.047	-	42.556.635.935	36.608.000	-	43.944.862.982
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.128.367.494)	-	-	(1.128.367.494)
Số cuối năm	<u>12.508.436.161</u>	<u>2.060.400.501</u>	<u>55.223.527.924</u>	<u>966.138.071</u>	<u>83.261.085</u>	<u>70.841.763.742</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	20.055.837.419	2.342.302.985	6.851.524.910	178.242.569	-	29.427.907.883
Số cuối năm	<u>18.283.073.269</u>	<u>1.967.110.534</u>	<u>59.564.367.917</u>	<u>195.067.564</u>	<u>-</u>	<u>80.009.619.284</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 91.024.183.475 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.629.372.000	192.320.743	7.821.692.743
Số cuối năm	<u>7.629.372.000</u>	<u>192.320.743</u>	<u>7.821.692.743</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	192.320.743	192.320.743

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.004.533.980	176.280.751	1.180.814.731
Khấu hao trong năm	152.587.440	16.039.992	168.627.432
Số cuối năm	1.157.121.420	192.320.743	1.349.442.163
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.624.838.020	16.039.992	6.640.878.012
Số cuối năm	6.472.250.580		6.472.250.580
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất tại An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương đã được chuyển nhượng trong kỳ cho Ông Trần Đức Minh theo Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2015/HĐCN ngày 30 tháng 3 năm 2015.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Dự án chung cư Mỹ Phước 9T			399.999.999	399.999.999
Dự án Sunriver	45.527.273	45.527.273	45.527.273	45.527.273
Dự án phố Sông Cẩm	313.378.530.392	313.378.530.392	310.798.337.294	310.798.337.294
Dự án Hiland Park - BB	87.320.622.774	87.320.622.774	87.320.622.774	87.320.622.774
Dự án TDC Plaza	582.617.257.952	582.617.257.952	477.195.160.762	477.195.160.762
Dự án Unitown – Giai đoạn 2	544.734.955.341	544.734.955.341	534.874.612.727	534.874.612.727
Cộng	1.528.096.893.732	1.528.096.893.732	1.410.634.260.829	1.410.634.260.829

Các dự án bị trì hoãn do Văn phòng Công ty đang thiếu vốn để tiếp tục thực hiện.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	8.614.584.818	1.526.712.091	(1.653.815.091)	(5.157.663.636)	3.329.818.182
Chi phí xây dựng trạm trộn bê tông Huyện Chơn Thành	1.636.251.129	3.093.079.936	-	-	4.729.331.065
Cộng	10.250.835.947	4.619.792.027	(1.653.815.091)	(5.157.663.636)	8.059.149.247

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	176.960.700	912.150.791
Số phát sinh		
Số hoàn nhập	(89.563.679)	(735.190.091)
Cộng	<u>87.397.021</u>	<u>176.960.700</u>

15. Phải trả người bán**15a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.043.249.675.841</i>	<i>2.386.578.782.649</i>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV	922.622.034.857	450.298.088.857
Công ty cổ phần dược Becamex	91.283.617.548	121.453.617.548
Công ty xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex		5.982.646.473
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương		1.766.502.482.217
Công ty TNHH MTV Cửa sổ Mùa Xuân	10.179.016.010	
Công ty cổ phần bê tông Becamex		72.138.330
Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư xây dựng Việt	19.165.007.426	32.345.650.264
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex		9.490.274.410
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex		433.884.550
<i>Phải trả cho các đối tượng khác</i>	<i>293.485.008.130</i>	<i>245.189.967.925</i>
Cộng	<u>1.336.734.683.971</u>	<u>2.631.768.750.574</u>

15b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.471.578.982.217</i>	
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	680.410.500.000	
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư BD	791.168.482.217	

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH VSIP Hải Phòng		24.145.443.560
Công ty TNHH xây dựng thương mại Nguyễn Hoàng		17.884.519.347
Công ty TNHH đầu tư xây dựng thương mại Minh Đức Trung		-
Tổng Công Ty Đầu Tư và Phát Triển Công Nghiệp – TNHH MTV	538.568.119.980	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>				
Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác	193.719.687.266	98.432.765.956				
Cộng	<u>732.287.807.246</u>	<u>140.462.728.863</u>				
16. Người mua trả tiền trước						
16a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn						
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>				
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	<i>263.910.417.283</i>	<i>257.070.429.514</i>				
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	263.910.417.283	257.070.429.514				
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>30.924.679.894</i>	<i>82.611.621.292</i>				
Các khách hàng khác	30.924.679.894	82.611.621.292				
Cộng	<u>294.835.097.177</u>	<u>339.682.050.806</u>				
16b. Người mua trả tiền trước dài hạn						
Khoản ứng trước của các khách hàng mua hàng hóa bất động sản.						
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>				
Ông Huang Yu Shin		-				
Các khách hàng mua bất động sản khác	78.843.953.915	-				
Cộng	<u>78.843.953.915</u>	<u>-</u>				
17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước						
	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa		(844.018.953)				(844.018.953)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.673.417.899		38.100.048.212	(27.532.269.562)	34.241.196.549	
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp từ tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	50.925.884		366.210.679	(191.282.296)	225.854.267	-
Thuế thu nhập cá nhân		(604.936.600)	224.362.331			(380.574.269)
Thuế tài nguyên			2.118.600	(1.638.200)	480.400	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất			626.698.248	(626.698.248)		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế môn bài			10.000.000	(10.000.000)		
Thuế và lệ phí khác			5.058.907.900	(5.058.907.900)		
Cộng	23.724.343.783	(1.448.955.553)	44.388.345.970	(33.420.796.206)	34.467.531.216	(1.224.593.222)

Thuế giá trị gia tăng

Văn phòng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Văn phòng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	130.851.321.625	120.404.919.835
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	99.769.416	
- Các khoản điều chỉnh tăng	506.877.046	40.427.366.206
- Các khoản điều chỉnh giảm	(407.107.630)	(3.304.229.257)
Thu nhập chịu thuế	130.951.091.041	157.528.056.784
Thu nhập được miễn thuế	(6.729.936.880)	(8.173.506.600)
Thu nhập tính thuế	124.221.154.161	149.354.550.184
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	38.100.048.212	32.858.001.040

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Văn phòng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Văn phòng Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Văn phòng Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Các loại thuế khác**

Văn phòng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 năm 2015 phải trả người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	24.043.850.855	17.204.545.050
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV - Lãi trả chậm cho khoản cổ tức chưa chi	24.043.850.855	17.204.545.050
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	206.134.065.617	574.613.427.754
Chi phí lãi vay	8.464.600.831	419.601.696
Trích trước chi phí công trình	197.669.464.786	574.193.826.058
Cộng	230.177.916.472	591.817.972.804

20. Phải trả khác**20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	160.532.249.192	200.311.650.000
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV- Phải trả về cổ tức	160.532.249.192	200.311.650.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	37.939.736.976	34.949.545.848
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	630.925.112	381.716.611
Cổ tức phải trả		191.715.392
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	18.271.595.813	27.124.671.144
Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án	5.476.281.010	5.690.602.000
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân		735.454.520
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.560.935.041	825.386.181
Cộng	198.471.986.168	235.261.195.848

20b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí bảo trì dự án TDC Plaza	5.745.343.034	5.664.431.391
Thu hộ thuế thu nhập cá nhân – cá nhân nhận hợp đồng góp vốn		442.330.080
Nhận ký quỹ dài hạn	225.000.000	154.989.000
Các khoản phải trả dài hạn khác		140.810.000
Cộng	5.970.343.034	6.402.560.471

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Vay và nợ tài chính****21a. Vay và nợ tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.290.106.359.504	1.290.106.359.504	552.489.277.914	552.489.277.914
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương</i> ⁽ⁱ⁾	697.832.199.338	697.832.199.338	449.005.712.171	449.005.712.171
<i>Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương</i> ⁽ⁱⁱ⁾	35.984.291.047	35.984.291.047	43.559.216.300	43.559.216.300
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương</i> ⁽ⁱⁱⁱ⁾	59.945.381.458	59.945.381.458	59.924.349.443	59.924.349.443
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương</i> ^(iv)	21.010.487.661	21.010.487.661		
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TPHCM</i> ^(v)	475.334.000.000			
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)			24.000.000.000	24.000.000.000
Cộng	1.290.106.359.504	1.290.106.359.504	576.489.277.914	576.489.277.914

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình và vô hình của Văn phòng Công ty (xem thuyết minh số V.9 và V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại khu đô thị - Công nghiệp dịch vụ VSIP Hải phòng (xem thuyết minh số V.7).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải là tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số V.9).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương VN – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp QSDĐ Phú Chánh C, D
- (v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải VN – Chi nhánh TPHCM để thanh toán tiền đầu tư dự án Dragon Hill với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	552.489.277.914	1.326.482.119.623	-	(588.865.038.033)	1.290.106.359.504
Vay dài hạn đến hạn trả	24.000.000.000	-		(24.000.000.000)	
Cộng	576.489.277.914	1.326.482.119.623		(612.865.038.033)	1.290.106.359.504

21b. Vay và nợ tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trái phiếu thường phát hành cho bên liên quan	886.983.345.970	886.983.345.970	395.995.151.514	395.995.151.514
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV ⁽ⁱ⁾	387.088.609.128	387.088.609.128	395.995.151.514	395.995.151.514
Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh và Đầu Tư Bình Dương	499.894.736.842	499.894.736.842		
Vay dài hạn ngân hàng	110.269.387.083	110.269.387.083	94.924.751.921	94.924.751.921
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	64.269.387.083	64.269.387.083	48.924.751.921	48.924.751.921
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	46.000.000.000	46.000.000.000	46.000.000.000	46.000.000.000
Cộng	997.252.733.053	997.252.733.053	490.919.903.435	490.919.903.435

⁽ⁱ⁾ Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 5 năm, được phát hành để thanh toán tiền mua đất khu Phú Chánh C, D.

- Ngày phát hành: 27/12/2014
- Ngày đáo hạn: 27/12/2019
- Kỳ trả lãi: 6 tháng/lần.
- Lãi suất: Năm đầu tiên: 12%/năm. Từ kỳ thứ ba trở đi lãi suất trái phiếu được xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu được xác định bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng gồm Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng biên độ 4,0%/năm.
- Tài sản Bảo đảm: 16 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích 119.296,1 m² quy hoạch xây dựng khu nhà liên kế, nhà phố thuộc dự án Khu dân cư Hòa Lợi nằm trong Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ đô thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC).

Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 5 năm, để đầu tư dự án Dragon Hill

- Ngày phát hành: 30/09/2015
- Ngày đáo hạn: 30/09/2020
- Kỳ trả lãi: 6 tháng/lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lãi suất: Năm đầu tiên: 11.5%/năm. Từ kỳ thứ ba trở đi lãi suất trái phiếu được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất 6 tháng/lần và xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu được xác định bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng gồm Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng biên độ 3,5%/năm.
 - Tài sản Bảo đảm: 13 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đầu tư xây dựng dự án khu phố thương mại Uni-Town (giai đoạn 1) với lãi suất 9,5% năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty bao gồm 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương trị giá 556.668.000.000 VND (xem thuyết minh số V.9).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để mua Nhà máy sản xuất bê tông Sóng Thần 3 và Mỹ Phước 1 với lãi suất năm đầu tiên là 8,5%/năm, từ năm thứ 2 trở đi áp dụng lãi suất cho vay dài hạn VND cộng biên độ 3,3%. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Số cuối năm			
Vay dài hạn ngân hàng	110.269.387.083		110.269.387.083
Trái phiếu thường	886.983.345.970	-	886.983.345.970
Cộng	997.252.733.053		997.252.733.053
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	118.924.751.921	24.000.000.000	94.924.751.921
Trái phiếu thường	395.995.151.514	-	395.995.151.514
Cộng	514.919.903.435	24.000.000.000	490.919.903.435

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Tăng khác	Giảm khác	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	94.924.751.921	15.344.635.162		-	110.269.387.083
Trái phiếu thường	395.995.151.514	500.000.000.000	1.838.194.456	(10.850.000.000)	886.983.345.970
Cộng	490.919.903.435	515.344.635.162	1.838.194.456	(10.850.000.000)	997.252.733.053

21c. Vay và nợ tài chính quá hạn chưa thanh toán

Văn phòng Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	328.099.969
Hoàn nhập	288.536.500
Số cuối năm	<u>39.563.469</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	(1.319.742.700)	6.169.038.228	(6.442.212.120)	(1.592.916.592)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	335.497.963	1.120.000.000	(841.000.000)	614.497.963
Cộng	<u>(984.244.737)</u>	<u>7.289.038.228</u>	<u>(7.283.212.120)</u>	<u>(978.418.629)</u>

24. Vốn chủ sở hữu**24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	607.005.000.000	607.005.000.000
Các cổ đông khác	392.995.000.000	392.995.000.000
Cộng	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000.000</u>

24c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Vắn phòng Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 22 tháng 4 năm 2015 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5,5% lợi nhuận sau thuế)	6.169.038.228
Trích thù lao Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát – Thư ký	560.000.000
Trích thưởng Ban điều hành	560.000.000
Chi trả cổ tức (10% mệnh giá)	100.000.000.000
Cộng	107.289.038.228

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Văn phòng Công ty có nợ khó đòi đã xử lý liên quan đến khoản phải thu tiền bán vật liệu xây dựng cho Công ty TNHH MTV xây dựng Trần Hòa Phát và Doanh nghiệp tư nhân Hiệp Thành với số tiền lần lượt là 4.117.350 VND và 10.106.927 VND đã được xóa sổ do 2 công ty này đã giải thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng	334.242.719.690	529.119.055.641
Doanh thu bán thành phẩm	201.950.061.448	4.727.972.456
Doanh thu kinh doanh bất động sản và thi công xây dựng	857.194.693.809	1.272.860.142.255
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.370.883.916	1.912.404.657
Cộng	<u>1.404.758.358.863</u>	<u>1.808.619.575.009</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV		
Xuất bán hàng hoá, nguyên vật liệu	27.363.139.826	57.351.974.933
Bán thành phẩm, bất động sản	17.547.124.364	2.157.916.850
Xây dựng công trình	367.371.327.180	307.451.244.047
Cung cấp dịch vụ	2.668.523.880	-
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	1.099.972.062	-
Bán thành phẩm, bất động sản	434.209.881.655	-
Cung cấp dịch vụ	925.591.544	-
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Bán nguyên vật liệu	1.452.380.582	-
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước		
Xây dựng công trình	11.889.373.592	145.514.076.386
Cung cấp dịch vụ	241.636.360	162.200.002
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật		
Bán nguyên vật liệu	14.468.653	6.802.469
Cung cấp dịch vụ	7.360.546	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu trong kỳ là hàng hóa bất động sản bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng	324.322.404.081	515.549.584.004
Giá vốn thành phẩm	165.129.408.948	4.585.845.061

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh bất động sản và thi công xây dựng	511.033.062.940	830.810.776.459
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.947.608.014	1.092.616.655
Cộng	<u>1.007.432.483.983</u>	<u>1.352.038.822.179</u>
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.264.790.605	343.477.903
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	143.159.278	214.850.596
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.729.936.880	8.173.506.600
Lãi bán hàng trả chậm	236.748.324	753.895.361
Doanh thu hoạt động tài chính khác	707.427.805	590.609.265
Cộng	<u>14.082.062.892</u>	<u>10.076.339.725</u>
5. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	132.104.251.818	51.737.253.832
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	53.620.441
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(1.301.127.000)	(1.226.183.985)
Trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.384.875.664
Lỗ do thanh lý cổ phiếu	-	686.441.385
Chi phí khác	13.353.421.521	76.135.733
Cộng	<u>144.156.546.339</u>	<u>65.712.143.070</u>
6. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	16.857.372.748	15.844.175.752
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.334.494.904	601.912.096
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.248.781.009	3.625.840.688
Chi phí hoa hồng môi giới	-	4.226.447.252
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	8.416.307.140	6.736.595.047
Chi phí khác	17.798.153.769	17.263.948.270
Cộng	<u>57.655.109.570</u>	<u>48.298.919.105</u>
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.017.507.768	10.784.202.517
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	565.885.218	926.875.939
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.635.067.935	2.608.839.303
Thuế, phí và lệ phí	10.000.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.187.229.620	2.341.628.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.550.109.151	1.871.213.926
Chi phí khác	5.687.735.200	7.992.263.697
Cộng	<u>26.653.534.892</u>	<u>26.525.023.997</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	656.680.258	2.185.720.976
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	3.592.553.113	9.163.417.656
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	276.375.591	258.385.115
Thu nhập khác	861.038.908	5.338.529.549
Cộng	<u>5.386.647.870</u>	<u>16.946.053.296</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí bảo hành nhà các năm trước	996.423.234	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	3.419.624.562	
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản thanh lý		6.365.947.000
Chi phí khác	4.820.483	2.968.709.693
Cộng	<u>4.420.868.279</u>	<u>9.334.656.693</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.143.006.589	4.163.362.187
Chi phí nhân công	31.172.817.724	27.410.603.909
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.651.813.060	6.250.393.793
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.635.774.962	14.181.791.552
Chi phí khác	24.550.472.355	28.203.270.682
Cộng	<u>98.153.884.690</u>	<u>80.209.422.123</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Văn phòng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Văn phòng Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.578.000.000	1.640.000.000
Tiền thưởng	177.000.000	751.180.000
Cộng	<u>1.755.000.000</u>	<u>2.391.180.000</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Văn phòng Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV tư vấn Đầu Tư xây dựng Việt	Công ty con
Công ty TNHH MTV cửa sổ mùa xuân	Công ty con
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex	Công ty con
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty con
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (IJC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương (ITC)	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại thuyết minh VI.1b, Văn phòng Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV</i>		
Cổ tức phải trả	60.700.500.000	84.980.700.000
Thu hộ tiền bán đất	-	
Mua điện	453.600.000	-
Nhận chuyển nhượng đất	1.178.484.396.132	355.482.371.916
Lãi trả chậm cổ tức	6.839.305.805	8.123.750.250
Thuê mặt bằng	109.090.909	
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Mua nguyên vật liệu	2.233.600	611.792.800
<i>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</i>		
Mua dịch vụ		1.183.600
Cổ tức được chia	-	2.720.000.000
<i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i>		
Mua nguyên vật liệu	27.029.197.724	16.645.928.210
Cổ tức được chia	346.967.200	216.854.500
<i>Công ty cổ phần phát triển đô thị</i>		
Mua nguyên vật liệu	-	1.110.256.316
Mua tài sản	-	67.071.743.685
<i>Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương</i>		
Tiền mua dự án đầu tư khu đô thị thành phố mới Bình Dương	-	1.630.088.595.645
<i>Công ty cổ phần dược Becamex</i>		
Cổ tức được chia	70.000.000	70.000.000
Mua dịch vụ		23.374.500
Mua đất nền	19.104.903.790	32.108.116.727

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.15, V.16, V.19, V20a và V.21.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ.

2a. Lĩnh vực kinh doanh

Văn phòng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản: xây dựng và kinh doanh các căn hộ.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh theo bộ phận của Văn phòng Công ty được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2b. Khu vực địa lý**

Hoạt động của Văn phòng Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Văn phòng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Văn phòng Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này. Chi tiết như sau:

	<u>Số liệu trước trình bày lại</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Số liệu trình bày lại</u>
Bảng cân đối kế toán			
Phải thu ngắn hạn khác	11.940.615.968	3.800.684.618	15.741.300.586
Hàng tồn kho	4.180.236.626.014	(1.410.634.260.829)	2.769.602.365.185
Tài sản ngắn hạn khác	9.144.470.323	(9.144.470.323)	-
Phải thu dài hạn khác	-	6.161.080.545	6.161.080.545
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	1.410.634.260.829	1.410.634.260.829
Chi phí trả trước dài hạn	4.225.449.234	(4.004.848.486)	220.600.748
Tài sản dài hạn khác	817.294.840	(817.294.840)	-
Phải trả ngắn hạn khác	241.508.767.319	(6.247.571.471)	235.261.195.848
Phải trả dài hạn khác	154.989.000	6.247.571.471	6.402.560.471
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	494.924.751.921	(4.004.848.486)	490.919.903.435
Quỹ dự phòng tài chính	13.537.934.890	(13.537.934.890)	-
Quỹ đầu tư phát triển	28.331.589.757	13.537.934.890	41.869.524.647
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Thu nhập khác	23.250.431.451	(6.304.378.155)	16.946.053.296
Chi phí khác	15.639.034.848	(6.304.378.155)	9.334.656.693



Đỗ Ngọc Yến
Người lập biểu

Bình Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2016





Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,640,739,814	41,869,524,647	132,107,259,234	1,180,458,647,535
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	86,811,728,704	86,811,728,704
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	(8,885,298,970)	(8,885,298,970)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(140,000,000,000)	(140,000,000,000)
Phân phối các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	-	-	-	-
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,640,739,814	41,869,524,647	70,033,688,968	1,118,385,077,269
Số dư đầu năm nay	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,640,739,814	41,869,524,647	70,033,688,968	1,118,385,077,269
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	92,661,709,734	92,661,709,734
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	(7,289,038,228)	(7,289,038,228)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(100,000,000,000)	(100,000,000,000)
Phân phối các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	-	-	-	-
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,640,739,814	41,869,524,647	55,406,360,474	1,103,757,748,775


Đỗ Ngọc Yến
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

 Bình Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2016
Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc